

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 -2021
V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Lợi.

2. Ông Hồ Viết Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 17/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST- HNGĐ ngày 06/04/2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/05/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Tăng Ngọc B, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An. Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2020 và bản tự khai, chị Phan Thị P trình bày: Chị và anh Tăng Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 24/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ anh B, tại xóm TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An và có hai con chung. Đến tháng 8/2018, anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nguyên nhân thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Chị P thấy tình cảm vợ chồng

không thể tiếp tục với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tăng Ngọc B.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Tăng Thị HV, sinh ngày 06/8/2013 và cháu Tăng Thị H, sinh ngày 01/11/2015. Hiện nay cháu Tăng Thị H đang ở với chị P, còn cháu Tăng Thị HV đang ở với bà nội là bà Trần Thị S (mẹ anh B) tại TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Tăng Ngọc B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Tăng Ngọc B: Sau khi thụ lý, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Công văn đề nghị gia đình anh B cung cấp thông tin, địa chỉ của anh B ở nước ngoài, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành xác minh đối với người thân của anh B và xác minh tại địa P. Kết quả xác minh tại địa P, anh Tăng Ngọc B có hộ khẩu tại xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An, hiện không sinh sống tại địa P. Mẹ của anh B là bà Trần Thị S cho biết: Anh B đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, hiện nay vẫn đang ở Nhật Bản, anh B thường xuyên liên lạc qua điện thoại về cho bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý và văn bản của Tòa án yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của anh B hiện nay, nhưng bà không biết và không có giấy tờ gì chứng minh địa chỉ cụ thể của anh B tại Nhật Bản để cung cấp cho Tòa án. Về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P, bà S cho biết bà đã thông tin cho anh B và anh B đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P. Về con chung của vợ chồng anh B, chị P, hiện nay bà đang trực tiếp chăm sóc cháu Tăng Thị HV trong thời gian hai người đi vắng. Nay vợ chồng ly hôn bà không yêu cầu vợ chồng chị P, anh B phải thanh toán các khoản chi phí mà bà đã chăm sóc cháu Tăng Thị HV. Bà có nguyện vọng được nuôi hai cháu Tăng Thị HV và cháu Tăng Thị H thay cho anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Phan Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Tăng Ngọc B; giao các con chung của vợ chồng cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; dành quyền khởi kiện về cấp dưỡng, chia tài sản cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án anh Tăng Ngọc B vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh B. Mẹ anh B là bà Trần Thị S cho biết anh B đi xuất khẩu tại Nhật Bản nhưng bà S không biết địa chỉ hiện tại của anh B nên không cung cấp được cho Tòa án. Kết quả xác minh tại địa P, anh Tăng Ngọc B có hộ khẩu tại xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An, hiện không sinh sống tại địa P. Kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh, anh B xuất cảnh từ ngày 27/8/2018, chưa có thông tin nhập cảnh. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37. Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Chị Phan Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bà Trần Thị S là người đang trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Tăng Thị HV con chung của vợ chồng chị P và anh B trong thời gian hai người đi vắng, nhưng bà không có yêu cầu gì, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Phan Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, chị P và anh Tăng Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc ở nhà bố mẹ chồng tại xóm TS, xã NT, huyện T, tỉnh Nghệ An và có hai con chung. Đến tháng 8/2018 anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn liên hệ với nhau. Chị P xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn với anh Tăng Ngọc B. Thông qua gia đình, anh B thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị P.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị P. Căn

cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Phan Thị P được ly hôn với anh Tăng Ngọc B.

[3] Về con chung: Chị P và anh B có hai con chung là cháu Tăng Thị HV, sinh ngày 06/8/2013 và cháu Tăng Thị H, sinh ngày 01/11/2015, hiện nay cháu Tăng Thị H đang ở với chị còn cháu Tăng Thị HV đang ở với bà nội là bà Trần Thị S (mẹ anh B). Chị P có nguyện vọng được nuôi hai con cho đến khi trưởng thành, trong khi anh B đang ở nước ngoài. Mặc dù bà Trần Thị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Vi và cháu Hòa thay anh B, tuy nhiên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về trách nhiệm của cha mẹ về chăm sóc nuôi dưỡng con cái khi ly hôn, nên cần giao hai cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Hiện nay chị P chưa yêu cầu và anh B chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ: Chị Phan Thị P không yêu cầu giải quyết và anh Tăng Ngọc B cũng chưa có ý kiến, vì vậy Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị P.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị P và anh Tăng Ngọc B được ly hôn.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu Tăng Thị HV, sinh ngày 06/8/2013 và cháu Tăng Thị H, sinh ngày 01/11/2015 cho chị Phan Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị P không yêu cầu, anh Tăng Ngọc B chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003983 ngày 06/4/2021.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Chị Phan Thị P, bà Trần Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Tăng Ngọc B đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NT, h. T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Quốc Cường